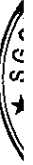


CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét của kiểm toán viên	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số B01a - CTQ)	4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số B02a - CTQ)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số B03a - CTQ)	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ (Mẫu số B05a - CTQ)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số B09a - CTQ)	9

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

### THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

<b>Giấy phép hoạt động</b>	Số 31/UBCK-GP ngày 14 tháng 4 năm 2008 Số 33/GPĐC /UBCK ngày 20 tháng 4 năm 2012 Số 50/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2012 Số 34/GPĐC-UBCK ngày 4 tháng 11 năm 2013 Số 12/GPĐC-UBCK ngày 9 tháng 6 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Bà Nguyễn Thị Thái Thuận Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2014) Ông Ho An T (Andy Ho) Chủ tịch (đến ngày 20 tháng 3 năm 2014) Thành viên (từ ngày 20 tháng 3 năm 2014) Ông Phạm Phú Trường Phó Chủ tịch Ông Brook Colin Taylor Thành viên
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Bà Nguyễn Thị Thái Thuận Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2014) Ông Subastian Subba Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2014)
<b>Hoạt động chính</b>	Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth là lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.
<b>Trụ sở chính</b>	Tầng 17, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

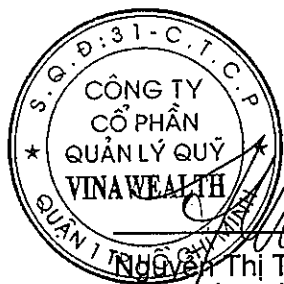
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 đến Thuyết minh 4 của các báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm từ trang 4 đến trang 25. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



*(Signature)*  
Nguyễn Thị Thái Thuận  
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014



## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty") được lập ngày 30 tháng 6 năm 2014 và được Ban Giám đốc của Công ty phê duyệt ngày 13 tháng 8 năm 2014. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc vào ngày nêu trên cùng các thuyết minh cho các báo cáo tài chính giữa niên độ từ trang 4 đến 25. Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ vào việc soát xét của chúng tôi.

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận

Căn cứ vào kết quả công tác soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có sự kiện đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây của Công ty là không được trình bày trung thực và hợp lý, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam.



**Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)**

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
PRICEWATERHOUSECOOPERS  
VIỆT NAM  
Số 1, Lydail, Minh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0559-2013-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM4301

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2014

Nguyễn Hoàng Nam

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính giữa niên độ, các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B01a - CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>39.466.840.531</b>	<b>46.260.692.220</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	5.1	4.080.540.906	15.957.052.315
111	Tiền		2.580.540.906	6.016.921.377
112	Các khoản tương đương tiền		1.500.000.000	9.940.130.938
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.2	16.400.000.000	11.000.000.000
121	Đầu tư ngắn hạn		16.400.000.000	11.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		18.779.743.891	18.845.097.438
132	Trả trước cho người bán	5.3	239.110.867	-
134	Phải thu hoạt động nghiệp vụ	5.4	42.154.430	42.794.846
135	Các khoản phải thu khác	5.5	18.498.478.594	18.802.302.592
150	Tài sản ngắn hạn khác		206.555.734	458.542.467
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	5.6	192.015.734	214.772.162
158	Tài sản ngắn hạn khác	5.7	14.540.000	243.770.305
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>239.288.892</b>	<b>367.044.008</b>
220	Tài sản cố định		81.926.279	115.958.441
221	Tài sản cố định hữu hình	5.8(a)	57.201.802	77.782.121
222	Nguyên giá		397.252.490	397.252.490
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(340.050.688)	(319.470.369)
227	Tài sản cố định vô hình	5.8(b)	24.724.477	38.176.320
228	Nguyên giá		68.717.376	68.717.376
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(43.992.899)	(30.541.056)
260	Tài sản dài hạn khác		157.362.613	251.085.567
261	Chi phí trả trước dài hạn	5.10	142.362.613	217.435.567
268	Tài sản dài hạn khác		15.000.000	33.650.000
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>39.706.129.423</b>	<b>46.627.736.228</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

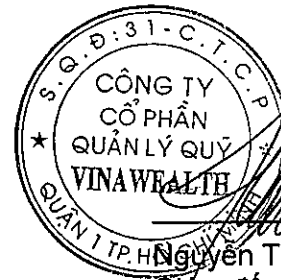
Mẫu số B01a - CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
<b>300</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>		
	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>1.089.051.817</b>	<b>1.855.053.589</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.076.097.630</b>	<b>1.842.099.402</b>
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.11 363.745.471	543.930.414
316	Chi phí phải trả	5.12 510.000.000	880.320.788
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.13 202.352.159	417.848.200
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>12.954.187</b>	<b>12.954.187</b>
333	Phải trả dài hạn khác	12.954.187	12.954.187
<b>400</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>38.617.077.606</b>	<b>44.772.682.639</b>
<b>410</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>5.14 38.617.077.606</b>	<b>44.772.682.639</b>
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	62.000.000.000	62.000.000.000
420	Lỗi sau thuế chưa phân phối	(23.382.922.394)	(17.227.317.361)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>39.706.129.423</b>	<b>46.627.736.228</b>



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng



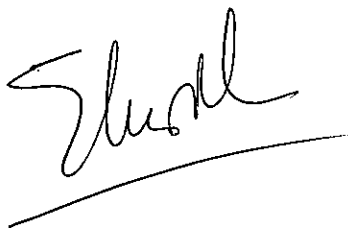
Nguyễn Thị Thái Thuận  
Giám đốc Điều hành  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

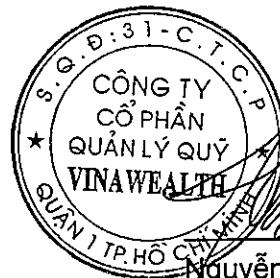
Mẫu số B02a - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30.06.2014 VNĐ	30.06.2013 VNĐ	
01	Doanh thu	5.15	265.230.083	710.345.531
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	
10	Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		265.230.083	710.345.531
11	Chi phí hoạt động kinh doanh		-	
20	Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		265.230.083	710.345.531
21	Doanh thu hoạt động tài chính	5.16	799.234.411	489.983.397
22	Chi phí tài chính		(2.853.606)	(4.864.154)
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.17	(7.964.872.409)	(12.147.928.205)
30	Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.903.261.521)	(10.952.463.431)
43	Thu nhập khác	5.18	747.656.488	1.751.748.190
50	Lỗ kế toán trước thuế		(6.155.605.033)	(9.200.715.241)
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.19	-	
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.19	-	
60	Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.155.605.033)	(9.200.715.241)



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Giám đốc Điều hành  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

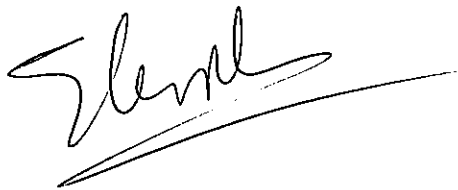


**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

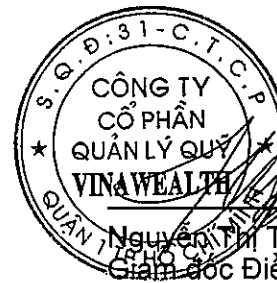
Mẫu số B03a - CTQ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

		<u>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</u>	
		30.06.2014	30.06.2013
		VNĐ	VNĐ
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1	Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	265.870.499	669.918.217
2	Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(2.163.459.722)	(2.980.616.179)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(6.458.873.742)	(8.965.951.709)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.429.056.420	2.180.075.818
7	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(218.643.646)	(866.667.240)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(7.146.050.191)</b>	<b>(9.963.241.093)</b>
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
28	Tiền chi cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(5.400.000.000)	-
29	Tiền thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	669.538.782	607.537.062
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(4.730.461.218)</b>	<b>607.537.062</b>
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	Tiền thu từ các khoản vay	-	7.000.000.000
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	7.000.000.000
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(11.876.511.409)</b>	<b>(2.355.704.031)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	15.957.052.315	20.432.463.799
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.080.540.906	18.076.759.768



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Giám đốc Điều hành  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu B05a - CTQ

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

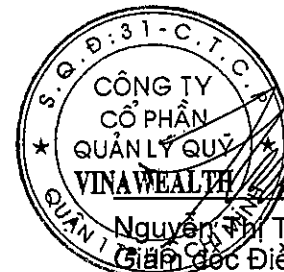
	Tại ngày 1.1.2014 VNĐ	Vốn tăng trong kỳ VNĐ	Lỗ trong kỳ VNĐ	Tại ngày 30.6.2014 VNĐ
Vốn chủ sở hữu	62.000.000.000	-	-	62.000.000.000
Lỗ lũy kế	(17.227.317.361)	-	(6.155.605.033)	(23.382.922.394)
	<u>44.772.682.639</u>	<u>-</u>	<u>(6.155.605.033)</u>	<u>38.617.077.606</u>

	Tại ngày 1.1.2013 VNĐ	Vốn tăng trong năm VNĐ	Lợi nhuận trong năm VNĐ	Tại ngày 31.12.2013 VNĐ
Vốn chủ sở hữu	39.215.000.000	22.785.000.000	-	62.000.000.000
Lỗ lũy kế	(17.273.902.961)	-	46.585.600	(17.227.317.361)
	<u>21.941.097.039</u>	<u>22.785.000.000</u>	<u>46.585.600</u>	<u>44.772.682.639</u>



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Giám đốc Điều hành  
Ngày 13 tháng 8 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth ("Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 31/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 4 năm 2008 có thời hạn là 50 năm. Giấy phép điều chỉnh lần thứ nhất số 33/GPĐC-UBCK được cấp ngày 20 tháng 4 năm 2012 nhằm mục đích đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thép Việt thành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Vinawealth. Giấy phép điều chỉnh lần thứ hai số 50/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 9 năm 2012 nhằm bổ sung nghiệp vụ kinh doanh. Giấy phép điều chỉnh lần thứ ba số 34/GPĐC-UBCK được cấp ngày 4 tháng 11 năm 2013 nhằm tăng vốn điều lệ. Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 12/ GPĐC-UBCK được cấp ngày 9 tháng 6 năm 2014 nhằm thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 16 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13 nhân viên).

**2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo đơn vị đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày thực hiện giao dịch. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày của Bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**4 CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (tiếp theo)**

**4.5 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thụ đắc tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao hàng năm như sau:

Nâng cấp văn phòng	20%
Thiết bị văn phòng	33%
Phần mềm vi tính	33%

*Thanh lý*

Lãi và lỗ do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**4.6 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**4.7 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty được hưởng khoản trợ cấp thôi việc căn cứ vào số năm làm việc. Khoản trợ cấp này được trả một lần khi người lao động thôi làm việc cho Công ty. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở ước tính số tiền Công ty phải trả khi chấm dứt hợp đồng lao động do người lao động có thời gian làm việc cho công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty phải nộp tiền vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Do thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không cần phải lập dự phòng cho số năm làm việc của người lao động từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, số dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 được xác định căn cứ vào số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và dựa trên mức lương trung bình của họ trong giai đoạn 6 tháng trước ngày của bảng cân đối kế toán này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, Thông tư 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý Quỹ, Thông tư 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012 về quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty quản lý quỹ đang hoạt động tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính giữa niên độ được soạn thảo dựa theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**3.2 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

**4 CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

**4.2 Đầu tư ngắn hạn**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là những khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu nhiều hơn ba (3) tháng và ít hơn mười hai (12) tháng.

**4.3 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu hoạt động nghiệp vụ được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**4.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là tiền bảo hiểm tài sản, bảo hiểm nhân viên trả trước và công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**4.8 Vốn**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 đồng Việt nam.

**4.9 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi có sự chắc chắn Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

**(a) Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư**

Công ty hiện đang quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán. Công ty được hưởng phí quản lý quỹ từ các quỹ này. Phí này được tính hàng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của mỗi quỹ vào ngày cuối tháng.

**(b) Doanh thu hoạt động tài chính**

*Lãi/lỗ do kinh doanh chứng khoán và các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác*

Lãi/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư được xác định là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được bán. Giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Thu nhập từ cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

*Thu nhập lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp dự thu lãi trừ khi khả năng thu là không chắc chắn.

**4.10 Chi phí**

Chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở trích trước. Các chi phí phát sinh khi mua các khoản đầu tư được cộng vào giá vốn của các khoản đầu tư đó.

**4.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**4.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**4.12 Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

**4.13 Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 125/2011/TT-BTC không được thể hiện trên các báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	8.482.635	2.561.776
Tiền gửi ngân hàng	2.572.058.271	6.014.359.601
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	9.940.130.938
	<u>4.080.540.906</u>	<u>15.957.052.315</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu trên ba (3) tháng và dưới mười hai (12) tháng.

**5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Đây là các chi phí hội họp, chi phí đào tạo và các chi phí hoạt động khác trả trước cho người bán.

**5.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ**

	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 6(b))	<u>42.154.430</u>	<u>42.794.846</u>

**5.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	129.695.629	-
Phải thu chi phí hoạt động được hoàn lại từ VinaCapital Investment Management Limited (Thuyết minh 6(b))	168.782.965	602.302.592
Phải thu tiền hỗ trợ tài chính từ VinaCapital Corporate Finance Limited (Thuyết minh 6(b))	18.200.000.000	18.200.000.000
	<u>18.498.478.594</u>	<u>18.802.302.592</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản chi phí bảo hiểm tài sản trả trước, chi phí bảo hiểm nhân viên trả trước và các tài sản phân loại lại từ tài sản cố định theo thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 4 năm 2013 ("Thông tư 45/2013").

**5.7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

Tài sản ngắn hạn khác thể hiện các khoản tạm ứng cho nhân viên.

**5.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**(a) Tài sản cố định hữu hình**

**Thiết bị văn phòng  
VNĐ**

**Nguyên giá**

Tại ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6 năm 2014

397.252.490

**Khấu hao lũy kế**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014

319.470.369

Khấu hao trong kỳ

20.580.319

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

340.050.688

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014

77.782.121

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

57.201.802

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và ngày 30 tháng 6 năm 2014	397.252.490
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	319.470.369
Khấu hao trong kỳ	20.580.319
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	340.050.688
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	77.782.121
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	57.201.802

5.9 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh và các khoản chênh lệch tạm thời khi khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá là cao.

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VND
Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014	Chưa quyết toán	(20.327.740.458)

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không cao.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí nâng cấp văn phòng và phí thiết kế trang web trả trước.

**5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Thuế thu nhập cá nhân	363.745.471	543.930.414

**5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	90.000.000	84.152.000
Lương tháng 13	420.000.000	796.168.788
	<u>510.000.000</u>	<u>880.320.788</u>

**5.13 CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30.6.2014</b>	<b>31.12.2013</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải trả cho VinaCapital Corporate Finance Limited (*)	179.965.962	335.412.000
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phải trả	17.042.197	55.500.900
Các khoản phải trả khác	5.344.000	26.935.300
	<u>202.352.159</u>	<u>417.848.200</u>

(\*) Khoản này thể hiện chi phí phải trả cho VinaCapital Corporate Finance Limited do sử dụng một phần văn phòng của công ty này làm địa chỉ đăng ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.14 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30.6.2014		31.12.2013	
	Cổ phiếu phổ thông	Vốn góp VNĐ	Cổ phiếu phổ thông	Vốn góp VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký	6.200.000	62.000.000.000	3.921.500	39.215.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.200.000	62.000.000.000	3.921.500	39.215.000.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Tất cả các cổ phiếu đều có cùng các quyền giống nhau về quyền biểu quyết, hưởng cổ tức, hoàn vốn, hay các quyền khác. Mỗi cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ được quyền hưởng cổ tức khi Công ty công bố cổ tức và có một phiếu biểu quyết. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và không phát hành cổ phiếu ưu đãi trong kỳ sáu tháng này.

Chi tiết cổ đông và tỷ lệ sở hữu (%) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
VinaCapital Corporate Finance Limited	3.038.000	49
Ông Phạm Phú Trường	2.666.000	43
Bà Phạm Ngọc Quỳnh Như	496.000	8
	<u>6.200.000</u>	<u>100</u>

**5.15 DOANH THU**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Doanh thu hoạt động nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (Thuyết minh 6(a))	254.165.145	255.874.366
Doanh thu từ phí giao dịch chứng chỉ quỹ mở (Thuyết minh 6(a))	-	454.471.165
Doanh thu khác	11.064.938	-
	<u>265.230.083</u>	<u>710.345.531</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014****5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****5.16 Doanh thu từ hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	793.147.346	482.345.904
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	6.087.065	7.637.493
	<u>799.234.411</u>	<u>489.983.397</u>

**5.17 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	6.082.704.954	9.107.420.190
Chi phí dịch vụ chuyên môn	533.325.381	381.923.396
Chi phí quảng cáo	339.830.572	587.076.843
Chi phí đi lại	330.322.130	947.865.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.032.162	64.619.118
Thuế và phí	23.000.000	23.000.000
Chi phí khác	621.657.210	1.036.022.962
	<u>7.964.872.409</u>	<u>12.147.928.205</u>

**5.18 THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014	2013
	VNĐ	VNĐ
Thu nhập được hoàn lại từ VinaCapital Investment Management Limited (*) (Thuyết minh 6(a))	<u>747.656.488</u>	<u>1.751.748.190</u>

(\*) Đây là khoản bù đắp của VinaCapital Investment Management Limited cho Công ty đối với chi phí lương của các nhân viên đang quản lý danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**5.19 THUẾ**

Số thuế trên lỗ trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25% cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 22% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 theo Giấy phép hoạt động của Công ty như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lỗ kế toán trước thuế	(6.155.605.033)	(9.200.715.241)
Thuế tính ở thuế suất 22% (năm 2013:25%)	(1.354.233.107)	(2.300.178.810)
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	-	151.354.547
Lỗ tính thuế không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	1.354.233.107	2.148.824.263
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**6 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có liên quan đến các bên như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth VinaCapital Vietnam Opportunity Fund Limited	Quỹ do công ty quản lý Quỹ do công ty quản lý năm 2013 Hợp đồng đã hết hạn năm 2013
VinaCapital Investment Management VinaCapital Corporate Finance Limited	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt Cùng nhân sự quản lý chủ chốt đồng thời là cổ đông lớn
VinaCapital Corporate Finance Vietnam Limited Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Cùng nhân sự quản lý chủ chốt Quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

6 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) *Doanh thu dịch vụ (Thuyết minh 5.15)*

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b><i>Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</i></b>		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth	254.165.145	117.792.174
VinaCapital Vietnam Opportunity Fund Limited	-	138.082.192
	<u>254.165.145</u>	<u>255.874.366</u>
<b><i>Doanh thu từ phí giao dịch chứng chỉ quỹ mở</i></b>		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth	-	454.471.165
	<u>-</u>	<u>454.471.165</u>

ii) *Thu nhập do được hoàn lại chi phí hoạt động*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
VinaCapital Investment Management	747.656.488	1.751.748.190
	<u>747.656.488</u>	<u>1.751.748.190</u>

iii) *Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
Lương và các quyền lợi gộp khác	1.749.265.000	1.624.896.750
	<u>1.749.265.000</u>	<u>1.624.896.750</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỶ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014****6 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan**

	Tại ngày 30 tháng 6 năm	
	2014 VNĐ	2013 VNĐ
<b>Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ (Thuyết minh 5.4)</b>		
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Bảo Thịnh Vinawealth	42.154.430	42.794.846
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 5.5)</b>		
Phải thu từ VinaCapital Investment Management đối với các chi phí hoạt động được hoàn lại	168.782.965	602.302.592
Phải thu khoản hỗ trợ tài chính từ VinaCapital Corporate Finance Limited	18.200.000.000	18.200.000.000
	<u>18.368.782.965</u>	<u>18.802.302.592</u>
<b>Các khoản nợ ngắn hạn khác (Thuyết minh 5.13)</b>		
Phải trả cho VinaCapital Corporate Finance Limited do sử dụng một phần văn phòng của công ty này làm địa chỉ đăng ký	179.965.962	335.412.000

**7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**(a) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

**(i) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

**(ii) Rủi ro về giá**

Rủi ro về giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán. Công ty không phải chịu rủi ro về giá thị trường vì không nắm giữ bất kỳ khoản đầu tư chứng khoán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2014.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**7 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(a) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*(iii) Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam ("VNĐ"). Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều có kỳ hạn ngắn.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng theo quy định của Công ty. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Kế toán trưởng theo dõi liên tục và báo cáo cho Ban Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH**

Mẫu số B09a - CTQ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014**

**17 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>			
Chi phí phải trả	510.000.000	-	-
Các khoản phải trả khác	566.097.630	-	12.954.187
	<u>1.076.097.630</u>	<u>-</u>	<u>12.954.187</u>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Chi phí phải trả	880.320.788	-	-
Các khoản phải trả khác	961.778.614	-	12.954.187
	<u>1.842.099.402</u>	<u>-</u>	<u>12.954.187</u>

**(d) Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng ngắn hạn, ký quỹ, và các khoản phải trả người bán và phải trả khác gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị thị trường	
	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ	30.6.2014 VNĐ	31.12.2013 VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.080.540.906	15.957.052.315	4.080.540.906	15.957.052.315
Các khoản đầu tư tài chính	16.400.000.000	11.000.000.000	16.400.000.000	11.000.000.000
Các khoản phải thu	18.779.743.891	18.845.097.438	18.779.743.891	18.845.097.438
	<u>43.260.284.697</u>	<u>45.802.149.753</u>	<u>43.260.284.697</u>	<u>45.802.149.753</u>
<b>Nợ tài chính</b>				
Chi phí phải trả	510.000.000	880.320.788	510.000.000	880.320.788

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINAWEALTH

Mẫu số B09a - CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
CHO KỲ SÁU THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

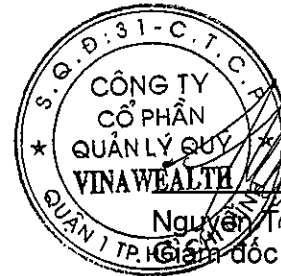
8 SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với các thay đổi trong việc trình bày của năm hiện tại.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Ban Giám đốc duyệt để phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2014.



Nguyễn Ngọc Linh Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thái Thuận  
Giám đốc Điều hành